

**DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)**

**HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025-2026**

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25-26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
1	22125006	Ngô Hoàng Bách	10	10	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.687.920		16.687.920		TT
2	22125042	Lê Mai Khôi	14	14	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.494.280		24.494.280		TT
3	22125054	Cao Võ Nhật Minh	14	14	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.494.280		24.494.280		TT
4	22125070	Lê Đức Nhuận	10	10	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.687.920	10.429.950	6.257.970	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
5	22125075	Nguyễn Duy Phúc	10	10	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.687.920		16.687.920		TT
6	22125077	Nguyễn Hoàng Phúc	10	10	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.687.920	10.429.950	6.257.970	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
7	22125105	Trần Thanh Tiến	10	10	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	16.687.920		16.687.920		TT
8	22127026	Ôn Gia Bảo	10	10	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
9	22127028	Hà Gia Bảo	10	10	9,56	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
10	22127029	Lê Nguyễn Gia Bảo	10	10	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
11	22127064	Phạm Thành Đạt	10	10	9,16	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
12	22127066	Phạm Anh Đầu	10	10	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
13	22127081	Huỳnh Lê Hải Dương	10	10	9,18	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
14	22127084	Mai Đức Duy	14	14	9,09	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.011.850		19.011.850		CLC
15	22127085	Nguyễn Hồ Đăng Duy	10	10	9,32	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
16	22127103	Lê Thị Hồng Hạnh	10	10	8,76	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
17	22127159	Phạm Huỳnh Bảo Huy	10	10	8,44	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
18	22127163	Trần Đan Huy	10	10	8,58	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25-26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
19	22127166	Triệu Gia Huy	10	10	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
20	22127180	Nguyễn Phúc Khang	10	10	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
21	22127200	Võ Đăng Khoa	10	10	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
22	22127205	Bùi Lê Khôi	14	14	8,94	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.011.850		19.011.850		CLC
23	22127252	Võ Việt Long	10	10	9,26	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
24	22127258	Lê Trí Mẫn	10	10	9,28	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
25	22127266	Nguyễn Bình Minh	10	10	8,6	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
26	22127287	Trương Hoài Nam	10	10	9,22	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
27	22127346	Nguyễn Trung Quân	10	10	9,74	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
28	22127359	Chu Thúy Quỳnh	10	10	9,2	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
29	22127360	Võ Nguyễn Phương Quỳnh	14	10	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
30	22127370	Lâm Chí Tài	10	10	8,78	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
31	22127372	Phan Văn Tài	10	10	9	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
32	22127398	Nguyễn Văn Minh Thiện	10	10	9,52	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
33	22127416	Nguyễn Quốc Tín	10	10	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
34	22127431	Lê Nguyễn Hữu Trường	10	10	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
35	22127437	Phùng Anh Tuấn	10	10	8,86	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
36	22127441	Thái Huyền Tùng	10	10	9,56	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.003.100		13.003.100		CLC
37	22127451	Phan Thị Tường Vi	10	10	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
38	22127464	Võ Thịnh Vượng	10	10	9,28	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.185.200		14.185.200		CLC
39	23125006	Võ Gia Huy	18	18	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.300.640	13.458.600	18.842.040	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TT
40	23125039	Trịnh Minh Huy	18	18	9,76	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.300.640		32.300.640		TT

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25-26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
41	23125049	Trần Mỹ An	18	18	9,81	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	32.300.640		32.300.640		TT
42	23125050	Hồ Lâm Ngọc Bảo	22	22	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	40.107.000		40.107.000		TT
43	23127023	Phan Nhựt Anh	19	19	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.832.800		27.832.800		CLC
44	23127024	Đình Bảo Bảo	19	19	9,61	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.832.800		27.832.800		CLC
45	23127025	Đoàn Lê Gia Bảo	15	15	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		CLC
46	23127065	Ngô Nguyễn Thế Khoa	15	15	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		CLC
47	23127073	Phi Anh Khôi	19	19	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.832.800		27.832.800		CLC
48	23127082	Nguyễn Thị Khánh Linh	19	19	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.832.800		27.832.800		CLC
49	23127096	Phan Nhật Thiện Nhân	15	15	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		CLC
50	23127106	Nguyễn Hoàng Quân	15	15	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.987.800		22.987.800		CLC
51	23127115	Mạch Quốc Tấn	15	15	9,79	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		CLC
52	23127130	Nguyễn Hữu Anh Trí	15	15	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		CLC
53	23127136	Lê Nguyễn Nhật Trường	15	15	9,37	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.987.800		22.987.800		CLC
54	23127146	Lê Chí Vỹ	15	15	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.987.800		22.987.800		CLC
55	23127228	Phạm Văn Minh	15	15	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		CLC
56	23127240	Phan Trung Nhựt	19	15	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.987.800		22.987.800		CLC
57	23127250	Trần Hồng Phương	19	19	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.832.800		27.832.800		CLC
58	23127261	Vương Ngũ Tín Thành	15	15	9,77	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		CLC
59	23127318	Lê Hồ Đan Anh	19	19	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.832.800		27.832.800		CLC
60	23127333	Trương Quốc Cường	15	15	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.987.800		22.987.800		CLC
61	23127442	Trầm Hữu Nhân	19	19	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	29.542.800		29.542.800		CLC
62	23127485	Phạm Quang Thịnh	15	15	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.277.800		21.277.800		CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25-26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
63	24125001	Lê Nguyễn Hữu An	20	16	9,98	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	33.375.840	20.859.900	12.515.940	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
64	24125021	Bùi Nguyễn Đức Trọng	20	16	9,93	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	33.375.840	27.813.200	5.562.640	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TT
65	24125022	Đặng Đình Trung	20	16	9,95	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	33.375.840	13.906.600	19.469.240	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TT
66	24125036	Lê Tống Thiện Nhân	20	16	9,85	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	33.375.840		33.375.840		TT
67	24125066	Bùi Trọng Tuấn Linh	20	16	9,85	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	33.375.840		33.375.840		TT
68	24127013	Lê Đức Anh	14	14	9,71	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.595.200		21.595.200		TCTA
69	24127072	Bùi Thị Bích Loan	18	14	9,49	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
70	24127096	Dương Bảo Nhi	16	12	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
71	24127126	Trần Nguyễn Duy Thịnh	16	12	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
72	24127128	Nguyễn Cao Thông	16	12	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
73	24127132	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	20	12	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
74	24127144	Nguyễn Trịnh Tuấn Văn	16	12	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
75	24127179	Huỳnh Gia Khang	16	12	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
76	24127180	Lê Phúc Khang	16	12	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
77	24127209	Trịnh Minh Ngọc	16	12	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
78	24127226	Phạm Trần Anh Quân	16	12	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
79	24127238	Ngô Huỳnh Thắm	16	12	9,6	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
80	24127254	Hồ Đình Trí	16	12	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
81	24127257	Nguyễn Thành Trung	18	14	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25-26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
82	24127262	Đỗ Thành Vinh	20	12	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
83	24127268	Nguyễn Trần Lan Viên	16	12	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
84	24127330	Lương Gia Bảo	16	12	9,65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600	16.510.500	3.302.100	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA
85	24127337	Nguyễn Tiến Cường	20	12	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
86	24127353	Nguyễn Vũ Duy	20	12	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
87	24127376	Đào Duy Hoàng	16	12	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
88	24127404	Trương Minh Huy	18	14	9,46	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
89	24127421	Bùi Nguyễn Đăng Khoa	18	14	9,51	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
90	24127441	Võ Duy Lộc	16	12	9,45	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
91	24127475	Lương Thiện Nhân	18	14	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.745.600		23.745.600		TCTA
92	24127549	Lê Phạm Minh Thu	16	12	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
93	24127566	Nguyễn Lâm Thảo Trang	16	12	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.812.600		19.812.600		TCTA
94	25125009	Trương Quang Bảo Dương	16	16	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	31.225.440	19.515.900	11.709.540	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
95	25125035	Lê Kiến Thành	16	16	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	31.225.440	26.021.200	5.204.240	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TT
96	25125063	Phan Quỳnh Quyền	16	16	9,75	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	31.225.440		31.225.440		TT
97	25125086	Nguyễn Phúc Khánh	16	16	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	31.225.440		31.225.440		TT
98	25125087	Lê Trần Hoàng Long	16	16	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	31.225.440		31.225.440		TT

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25-26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
99	25127002	Đặng Thành Nghĩa	15	15	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000	10.735.000	15.029.000	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TCTA
100	25127003	Trang Tín Nhiệm	15	15	9,48	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000	10.735.000	15.029.000	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TCTA
101	25127012	Dương Trung Anh	15	15	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
102	25127017	Lê Chí Bảo	15	15	9,04	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
103	25127025	Trần Kiên Cường	15	15	9,44	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	23.617.000	21.470.000	2.147.000	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA
104	25127040	Nguyễn Bá Duy	15	15	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
105	25127082	Ngô Đăng Khôi	15	15	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
106	25127101	Nguyễn Tuấn Nghĩa	15	15	9,37	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	23.617.000		23.617.000		TCTA
107	25127134	Nguyễn Thành Tài	15	15	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
108	25127154	Lê Trần Xuân Thùy	15	15	9,11	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
109	25127181	Nguyễn Lê Gia Bảo	15	15	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
110	25127216	Trần Nguyễn Hồng Ngọc	15	15	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
111	25127231	Nguyễn Trần Hoàng Quân	15	15	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
112	25127236	Nguyễn Lý Thành Tài	15	15	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
113	25127250	Trần Lan Tường	15	15	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
114	25127274	Võ Lê Nam Khánh Ann	15	15	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
115	25127284	Vũ Huỳnh Gia Bảo	15	15	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
116	25127381	Nguyễn Sanh Khoa	15	15	9,39	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	23.617.000		23.617.000		TCTA

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/25-26	XL HT HK1/25- 26	XL ĐRL HK1/25- 26	LOẠI HỌC BÔNG	MỨC HỌC BÔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
117	25127423	Tất Huy Minh	15	15	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000	10.735.000	15.029.000	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TCTA
118	25127446	Nguyễn Minh Nhật	15	15	9,15	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
119	25127452	Châu Tiến Phát	15	15	9,39	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	23.617.000		23.617.000		TCTA
120	25127533	Trương Thị Kim Trinh	15	15	9,17	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA
121	25127546	Vũ Thế Tùng	15	15	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.764.000		25.764.000		TCTA